

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V1NC	9/1	HỒ HOÀI AN	21/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	8.2	8.6	0	23.3
2	A7V02I	9/1	PHAN HỒNG NGỌC ANH	12/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	9.1	8.7	0	26.4
3	A7V1NH	9/1	PHAN LÊ VĂN ANH	13/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	7.7	8.8	0	24.6
4	A7V1OL	9/1	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG BÌNH	18/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8.4	9.1	0	25.2
5	A7V1OM	9/1	PHAN THỊ THANH BÌNH	28/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	8.9	9.3	0	27.6
6	A7V1NI	9/1	NGUYỄN HOÀNG MỸ DUYÊN	02/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	8.7	9.1	0	24.7
7	A7V1NK	9/1	TRẦN GIA HÂN	07/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.7	9.3	0	26.2
8	A7V008	9/1	NGUYỄN TRẦN GIA HÂN	08/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	8.4	8.5	0	25
9	A7V1NM	9/1	VŨ MINH HIỀN	06/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.4	9.1	0	26
10	A7V1NN	9/1	LÊ HÀ GIA HUY	07/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	8.6	9	0	25.9
11	A7V041	9/1	DƯƠNG THU HƯƠNG	14/06/2006	Long An	NỮ	AV	8.4	8.5	8.7	0	25.6



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BẾ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V1NQ	9/1	PHÙNG BẢO KHANG	18/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	7.9	9	0	25.9
13	A7V07W	9/1	ĐẶNG NGUYỄN KHOA	27/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.6	8.2	8.4	0	23.2
14	A7V1NT	9/1	HỒ ANH KHÔI	19/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	8.5	8.5	0	24.1
15	A7V1OZ	9/1	NGUYỄN MINH KHÔI	19/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.5	7.8	0	24.2
16	A7V1NV	9/1	NGUYỄN HOÀNG SONG KHUÊ	31/01/2006	Bình Định	NỮ	AV	9.4	9.1	9.5	0	28
17	A7V1P1	9/1	NGUYỄN LẠI HOÀNG KHƯƠNG	21/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	8.5	9.5	0	27
18	A7V07S	9/1	TRƯƠNG VỸ KIẾT	27/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	7.7	8.8	0	22.6
19	A7V1NW	9/1	LƯƠNG NGUYỄN HOÀNG LINH	17/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	8.9	8.5	0	25.8
20	A7V1NX	9/1	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	27/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	9.1	9.2	0	27.2
21	A7V1NZ	9/1	TRẦN BẢO LONG	19/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	9	9.6	0	27.2
22	A7V1P4	9/1	PHAN TÚ MAI	07/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	9	9.5	0	26.1

BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V1P5	9/1	LÊ THỊ THU NGÂN	10/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	8.2	9.3	0	24.4
24	A7V1P6	9/1	NHÂM BẢO NGỌC	03/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.8	9.3	1	27.4
25	A7V05P	9/1	NGUYỄN LÊ THANH NGỌC	07/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.8	8.9	8	0	24.7
26	A7V1O0	9/1	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	23/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	9.4	9.2	0	27.3
27	A7V1PC	9/1	VŨ BÌNH PHƯƠNG	06/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	8.4	9.3	0	26.1
28	A7V1O4	9/1	NGUYỄN BẢO QUYÊN	11/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	8.9	9.1	0	26.8
29	A7V1PE	9/1	ĐOÀN LÊ HOÀNG QUYÊN	20/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.7	9.4	0	26.6
30	A7V024	9/1	HỒ NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	30/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	9	8.2	0	25.1
31	A7V1PH	9/1	NGUYỄN LƯƠNG HÒA THẮNG	24/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	8.5	9	0	25.9
32	A7V1OA	9/1	NGÔ NGUYỄN MINH THUYỀN	09/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	8.8	9.3	0	26.9
33	A7V063	9/1	PHẠM ĐẶNG ANH THƯ	10/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	8.7	8.7	0	25

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V1PJ	9/1	LẠI HOÀNG MINH THƯ	19/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	8	8.7	0	23.5
35	A7V1PK	9/1	NGUYỄN HOÀNG MINH THƯ	24/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	8.4	8.7	0	23.9
36	A7V1OC	9/1	NGUYỄN MAI THY	24/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	9	9.4	0	26.8
37	A7V1O7	9/1	LÊ NGỌC THẢO TIỀN	29/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	8.1	8.8	0	25
38	A7V04S	9/1	VÕ NGỌC ÁI TRẦN	09/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.4	8.3	9	0	24.7
39	A7V1OD	9/1	ĐOÀN NGỌC BẢO TRẦN	09/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	9	8.4	0	23.9
40	A7V1OE	9/1	PHAN NGỌC TRÍ	29/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	7.8	9.3	0	25.7
41	A7V1PG	9/1	THÁI HOÀNG NGỌC TÚ	05/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.7	8.8	0	25.7
42	A7V060	9/1	NGUYỄN VĂN MINH TUẤN	10/12/2006	Quảng Ngãi	NAM	AV	8.5	8.3	8.2	0	25
43	A7V1PP	9/1	NGUYỄN NGỌC ÁNH VÂN	09/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	9.3	9.5	0	27.3
44	A7V1PQ	9/1	NGUYỄN QUANG VINH	29/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.5	9.5	0	25.9

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

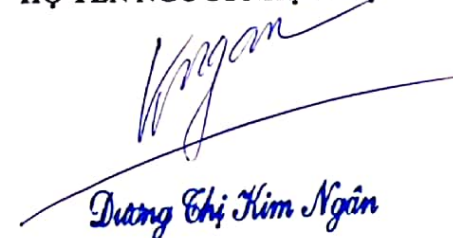
Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyên vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
45	A7V1PR	9/1	NGUYỄN HÀ TƯỜNG VY	10/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9	9.3	9	0	27.3
46	A7V1OJ	9/1	CHÂU HOÀNG YÊN	01/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	8.8	8.7	0	24.5
Tổng cộng có tất cả: 46 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ


Lê Trí Đạt

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU


Dương Thị Kim Ngân



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V1ND	9/2	TRẦN GIANG ANH	16/03/2006	Hậu giang	NỮ	AV	7.1	8.9	8.8	0	24.8
2	A7V1NF	9/2	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	27/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	9.2	9.2	0	27.6
3	A7V1OK	9/2	NGUYỄN KHÁNH BĂNG	09/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	8.7	9.2	0	26.8
4	A7V1NJ	9/2	NGUYỄN NHẬT BỘI ĐÌNH	06/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.8	8.9	1	27.2
5	A7V1ON	9/2	NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	29/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.2	8.4	0	25.1
6	A7V1OQ	9/2	HOÀNG NGỌC HÂN	07/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.5	8.8	0	25.3
7	A7V1NL	9/2	CAO HOÀNG NGỌC HÂN	04/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	9.2	9.1	1	27.8
8	A7V01J	9/2	LÂM TUỆ HÂN	02/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.5	8.8	1	26.3
9	A7V00A	9/2	NGUYỄN ĐĂNG HUY	26/09/2006	Bình Định	NAM	AV	8	9	9.4	0	26.4
10	A7V1NO	9/2	NGUYỄN HỮU GIA HUY	11/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	9.1	9.5	0	27.4
11	A7V1OS	9/2	NGUYỄN TUẤN HUY	08/06/2006	Hà Nội	NAM	AV	9.2	8.3	8.9	0	26.4

BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V10T	9/2	TRẦN NGỌC KHÁNH HUYỀN	01/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.7	8.3	0	25
13	A7V10V	9/2	LÂM QUỐC KHANG	24/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	8.2	9.1	0	25.1
14	A7V07V	9/2	LIÊU GIA KHÁNH	16/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.7	8.7	1	26.6
15	A7V1NR	9/2	HUỖNH DẶNG KHOA	25/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	8.3	8.4	0	25.1
16	A7V1NS	9/2	BÙI VÔ ANH KHÔI	19/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.9	9.6	0	26.4
17	A7V1NU	9/2	TRẦN THIÊN KHÔI	30/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	8.4	9	0	26.1
18	A7V1P0	9/2	NGUYỄN CHÂU THỰC KHUÊ	22/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	8.3	8.7	0	25.1
19	A7V048	9/2	NGUYỄN DẠ QUỲNH LAM	09/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	8.3	9	0	26
20	A7V1P2	9/2	LƯƠNG ÁNH LINH	06/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.1	8.7	9	0	26.8
21	A7V1P3	9/2	TRẦN PHƯƠNG THÙY LINH	16/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.9	9.5	0	26.6
22	A7V1NY	9/2	NGUYỄN ĐỖ BẢO LONG	03/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	8.9	9.3	0	27.2



BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyên vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V05K	9/2	TRẦN HOÀNG MINH	05/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	8.6	8.5	0	25.7
24	A7V06Q	9/2	TRẦN QUANG MINH	04/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	8	8.6	0	24.4
25	A7V1P8	9/2	LÊ HỮU NHÂN	09/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	8.9	8.8	0	26.4
26	A7V1P9	9/2	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	13/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8.7	8	0	22.8
27	A7V1O3	9/2	LÊ HỒNG PHÚC	07/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.6	9.3	0	26.4
28	A7V04K	9/2	TRẦN HỮU PHÚC	18/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	8.1	9.5	0	26.1
29	A7V1PB	9/2	CHÂU HÀ KIM PHÚC	06/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8.5	9	0	25.2
30	A7V05X	9/2	LÝ ANH QUÂN	15/06/2006	Thừa Thiên Huế	NAM	AV	8.7	7.7	9.4	0	25.8
31	A7V073	9/2	NGUYỄN MINH QUÝ	16/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	9.1	9.3	0	27.4
32	A7V1O8	9/2	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	20/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.3	8.9	9.3	0	27.5
33	A7V079	9/2	TRƯƠNG HÀ HUY THÔNG	29/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.1	8	8.7	0	25.8



BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V109	9/2	DƯƠNG HỒNG THUY	01/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	8.8	9.3	0	26.2
35	A7V1PI	9/2	TRẦN ANH THƯ	28/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	8.4	9.1	0	24.8
36	A7V08I	9/2	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	11/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.5	9	0	25.5
37	A7V10B	9/2	NGUYỄN MINH THƯ	28/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	8.7	8.8	0	26.4
38	A7V03F	9/2	TRẦN MINH THƯ	20/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	9	9.1	0	26
39	A7V1PM	9/2	LÊ PHẠM THÙY TRANG	13/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	8.2	8.9	0	24.6
40	A7V1PN	9/2	VĂN MINH TRÍ	23/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.5	8.3	9	0	24.8
41	A7V04U	9/2	NGÔ THANH TRÚC	06/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	9.4	8.6	0	26.5
42	A7V08F	9/2	TRẦN MINH TUẤN	02/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	8.2	8.8	0	25
43	A7V08K	9/2	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	08/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8.6	9.1	0	25.4
44	A7V07B	9/2	NGUYỄN HOÀNG CÁC VY	10/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	9	8.9	0	24.5

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS. NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

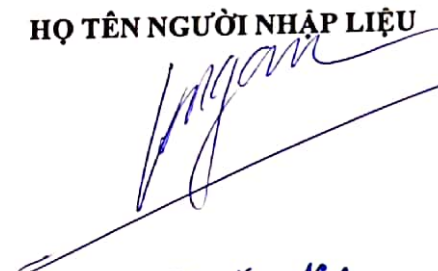
STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
45	A7V1OI	9/2	TẠ NHƯ Ý	10/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	8.9	8.7	0	26.2
46	A7V1OH	9/2	PHẠM TRẦN NHƯ Ý	08/09/2006	Quảng Ngãi	NỮ	AV	8.3	9.4	8.9	0	26.6

Tổng cộng có tất cả: 46 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ


phạm Hải Yến

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU


Dương Thị Kim Ngân



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

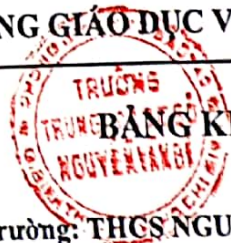
Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V000	9/3	NGÔ ĐỨC ANH	24/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	3.7	4.4	7.3	0	15.4
2	A7V02H	9/3	TRẦN THỊ KIM ANH	18/08/2006	Hậu Giang	NỮ	AV	6.1	7.7	8.2	0	22
3	A7V051	9/3	ĐỖ NGỌC MINH ANH	12/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.8	7.9	7	0	20.7
4	A7V1NG	9/3	TRẦN QUÊ ANH	30/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	8.2	8.7	0	24
5	A7V003	9/3	NGUYỄN THANH BẢO CHÂU	22/03/2006	Kiên Giang	NỮ	AV	7	7.7	7.8	0	22.5
6	A7V004	9/3	HỒ NGUYỄN LIÊN CHÂU	22/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.4	7.9	8.7	0	23
7	A7V054	9/3	NGUYỄN GIA CƯỜNG	02/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	5.5	4.6	0	15.6
8	A7V0AS	9/3	NGÔ NGỌC DIỆP	15/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	8	9	0	24.1
9	A7V06G	9/3	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	17/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.8	6.3	7.9	0	19
10	A7V02M	9/3	ĐÀO GIA HÂN	17/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	8	8.3	0	22.8
11	A7V02N	9/3	MAI TRUNG HIẾU	01/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.5	8	9.4	0	24.9

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V01L	9/3	NGUYỄN MINH TRUNG HIẾU	22/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	7.8	8.1	0	23.2
13	A7V07P	9/3	NGUYỄN PHỮ HOÀNG	22/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	5.4	7.8	0	20.5
14	A7V08Y	9/3	CHUNG MINH HUY	12/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	6.7	7	0	20.4
15	A7W060	9/3	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	27/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	7.1	6.7	0	19.9
16	A7V07T	9/3	PHẠM THÁI DUY KHANG	07/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7.7	8.9	0	24.2
17	A7V01S	9/3	NGÔ MINH BẢO LỘC	30/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.9	5.1	5.1	0	15.1
18	A7V02V	9/3	LÊ HOÀNG DUY MINH	14/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.2	5.7	7.2	0	17.1
19	A7V06P	9/3	LƯU PHƯỚC MINH	16/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.4	8.8	0	24.3
20	A7V01T	9/3	VÔ LÊ NGỌC MY	05/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.4	8.2	8.4	0	23
21	A7V05L	9/3	HUY PHƯỚC BỘI NGÂN	12/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.3	8.8	0	24.3
22	A7V01Z	9/3	LÊ TÂN PHÁT	25/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	8.3	9.3	0	23.5

BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V05U	9/3	DƯƠNG HOÀNG PHÚ	07/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	7	7.2	0	22
24	A7V06Z	9/3	NGÔ GIA PHÚC	06/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.9	6.2	8.4	0	23.5
25	A7V070	9/3	BÙI THIÊN PHƯỚC	06/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	7.3	6.4	0	18.8
26	A7V08B	9/3	TRẦN THỰC NHƯ QUỲNH	28/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	8.5	7.4	0	21.9
27	A7V00U	9/3	NGUYỄN THÁI SƠN	18/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.8	7.1	5.8	0	18.7
28	A7V076	9/3	PHẠM VÕ TRƯỜNG THÀNH	13/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.5	6	5.9	0	16.4
29	A7V07A	9/3	TRẦN CAO MINH THUẬN	24/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.1	6.3	5	0	15.4
30	A7V08D	9/3	NGUYỄN ANH TIỀN	20/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.4	8.2	7.7	0	21.3
31	A7V014	9/3	TRẦN NGỌC KIỀU TRANG	27/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.4	7.4	9.1	0	22.9
32	A7V1PL	9/3	MAI XUÂN QUỲNH TRANG	03/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.4	9.7	0	26.3
33	A7V02A	9/3	ĐẶNG THÙY TRANG	04/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.8	8.3	9	0	23.1

BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V03J	9/3	TRẦN THANH TRÍ	05/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	7.1	9.2	0	22.6
35	A7V08J	9/3	NGUYỄN THANH TRÚC	25/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.5	5.3	5.2	0	15
36	A7V04X	9/3	LÊ THÙY VI	10/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	7.3	7.5	0	21.9
37	A7V10G	9/3	BÙI VÔ THẢO VY	30/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.5	6.9	8.3	0	19.7
38	A7V067	9/3	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	01/11/2006	Đồng Nai	NỮ	AV	5	7.7	7.4	0	20.1
Tổng cộng có tất cả: 38 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

Anh
 Nguyễn Thị Thanh Bình

Nguyễn



BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V1PS	9/4	PHẠM HUỆ AN	11/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	7.7	6.9	0	21.1
2	A7V050	9/4	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG AN	08/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.2	7.7	7.7	0	21.6
3	A7V019	9/4	TRẦN NGUYỄN KIM ANH	02/08/2006	Kiên Giang	NỮ	AV	6.8	7.9	7.7	0	22.4
4	A7V002	9/4	NGUYỄN HOÀNG ÂN	27/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	7.4	7.1	0	20
5	A7V06B	9/4	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	09/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8.1	7.7	0	23.5
6	A7V01E	9/4	NGUYỄN THÀNH DANH	10/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.6	6.4	6	0	18
7	A7V01F	9/4	BÙI ĐỨC DUY	18/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	8	9.1	0	24.9
8	A7V03R	9/4	NGUYỄN THANH DUY	08/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	5.3	4.3	0	14.8
9	A7V07L	9/4	TRẦN DƯƠNG QUỲNH GIAO	14/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.1	7.5	6	0	18.6
10	A7V09S	9/4	NGUYỄN AN VĨ HÀO	03/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.4	7.2	7.4	0	22
11	A7V10R	9/4	TRẦN NGUYỄN THIÊN HÒA	16/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	8.3	8.3	0	25.2

BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V07Q	9/4	HỒ GIA HUY	28/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	6.9	5.4	0	17.8
13	A7V00D	9/4	NGUYỄN QUANG HUY	17/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.4	6.4	5.8	0	17.6
14	A7V05B	9/4	ĐỖ TUẤN HUY	10/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.4	8.1	8.7	0	24.2
15	A7V06J	9/4	NGUYỄN THÁI NGỌC HUYỀN	30/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8.4	8	0	24.1
16	A7V07R	9/4	VŨ KHÁNH HÙNG	21/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	8.6	7.9	0	23.8
17	A7V05C	9/4	NGUYỄN VY HÙNG	21/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	8	5.9	0	20.4
18	AAH038	9/4	HUỖNH LÊ MINH KHANG	13/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	8.3	8.8	0	24.7
19	A7V0KS	9/4	LÊ HỮU LỘC	28/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4	6	6.4	0	16.4
20	A7V02T	9/4	ĐÀO PHƯƠNG LY	28/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.4	7	4.2	0	16.6
21	A7V01U	9/4	TẠ NGUYỄN KHÁNH NGÂN	24/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	7.3	6.2	0	19.5
22	A7V02X	9/4	ĐÀO PHƯƠNG NGHI	28/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.7	7.4	4.6	0	16.7



BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

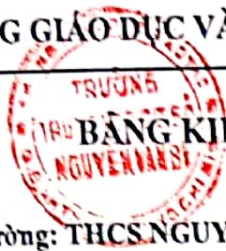
Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V0B8	9/4	VÔ HỒNG NGỌC	18/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	7.1	6.6	0	19.9
24	A7V085	9/4	HUỲNH NGUYỄN THANH PHÚ	18/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	8	7.6	0	23.6
25	A7V04L	9/4	PHAN HỒNG PHƯƠNG	22/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	8.1	8	1	25.9
26	A7V071	9/4	PHAN MAI KHÔI PHƯƠNG	02/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.5	7.2	4.6	0	16.3
27	A7V072	9/4	ĐỖ NAM PHƯƠNG	14/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	6.7	6.1	0	19.9
28	A7V021	9/4	LÊ THANH PHƯƠNG	22/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8	6.6	0	20.7
29	A7V074	9/4	VÔ HUỲNH PHƯỚC SANG	19/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.3	6.4	5.9	0	17.6
30	A7V0L2	9/4	CAO THANH SƠN	20/10/2005	Đắk Lắk	NAM	AV	4.9	5.6	6.5	0	17
31	A7V062	9/4	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	28/06/2006	Bình Thuận	NỮ	AV	5.5	8.5	6.7	0	20.7
32	A7V03G	9/4	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	29/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	6.8	4.5	0	16.9
33	A7V0I2	9/4	NGUYỄN NGÔ THANH TRÚC	23/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.5	6.8	6	0	17.3

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG KIỂM ĐỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm đồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V064	9/4	HOÀNG NGỌC THÙY TRÚC	12/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	7.8	8	0	22.8
35	B7V0E8	9/4	TRƯƠNG THUY CẨM TÚ	29/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	8.5	8.1	0	21.9
36	A7V02D	9/4	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VI	23/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.9	7.5	7.7	0	21.1
37	A7V07C	9/4	NGUYỄN MỸ HỒNG VY	09/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	7.6	8.4	0	22.6
38	A7V02G	9/4	NGUYỄN THỊ NHƯ YÊN	30/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	6.2	7	0	18.7
Tổng cộng có tất cả: 38 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ


Nguyễn Đình Hoài Nhân

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU


Dương Thị Kim Ngân

BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7U0WS	9/5	ĐỖ TUYẾT ANH	26/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.1	7.7	0	23
2	A7V069	9/5	ĐỖ GIA BẢO	08/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.6	8.1	7.6	0	22.3
3	A7V053	9/5	PHẠM GIA BẢO	27/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	5.1	5.4	0	16.2
4	A7V090	9/5	VÔ HIẾU CHƯƠNG	15/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.2	8.3	0	23.6
5	A7V06C	9/5	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	10/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	8.4	8.2	0	23.4
6	A7V005	9/5	HUỲNH TRẦN ĐỨC DUY	28/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.2	8.3	7.8	0	24.3
7	A7V06F	9/5	ĐỖ THÀNH ĐẠT	09/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	6.8	6.7	0	18.7
8	A7V100	9/5	NGUYỄN TRƯỞNG MINH HẰNG	03/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	7.7	7.9	0	22.1
9	A7V059	9/5	NGUYỄN MINH HIẾN	06/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.9	5.9	4.3	0	15.1
10	A7V10U	9/5	PHẠM QUANG HÙNG	15/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.9	8.7	0	25.7
11	A7V040	9/5	ĐÀM VĂN HÙNG	21/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.3	6.7	6.1	0	17.1

BẢNG KIỂM ĐỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỄN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm đồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V06L	9/5	VÕ NGUYỄN GIA HY	10/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	6.5	7	0	18.6
13	A7V01O	9/5	NGUYỄN HOÀNG KHAI	05/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	6.8	8.7	0	23.6
14	A7V044	9/5	TRẦN NGUYỄN ĐAN KHÁNH	29/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.4	8.4	8.2	0	23
15	A7V10W	9/5	HUỖNH NGÔ NGỌC KHÁNH	04/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	9.1	8.4	0	25.8
16	A7V10X	9/5	PHAN THẾ KHOA	03/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.7	7.8	8.6	0	24.1
17	A7V080	9/5	NGUYỄN BÁ LỘC	02/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.4	5.4	6.1	0	16.9
18	A7V04A	9/5	NGUYỄN THÁI DUY MINH	08/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	8.5	7.9	0	24.4
19	A7V02W	9/5	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH NGÂN	16/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.5	7.4	7.1	0	19
20	A7V06T	9/5	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG NGHI	02/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	8.5	8.4	0	23.5
21	A7V05N	9/5	TRẦN THỤY BẢO NGỌC	21/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	8.3	7.4	0	21
22	A7V05O	9/5	NGUYỄN NHƯ NGỌC	02/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	7.4	9.1	0	21.8

BẢNG KIỂM ĐO ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

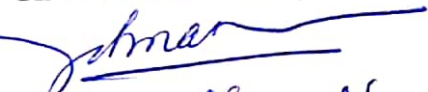
Ngày giờ in kiểm đo: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

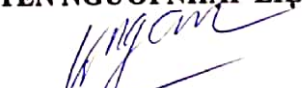
Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V06W	9/5	LÊ NGÔ KHÁNH NHẬT	23/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	8.3	8.2	0	23.8
24	A7V05V	9/5	LƯU NAM PHƯƠNG	06/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.7	7.6	8.4	0	21.7
25	A7V00R	9/5	TÔ KHÔI PHƯƠNG	28/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.7	7.4	7.1	0	20.2
26	A7V00S	9/5	BÙI ANH QUÂN	25/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	7.3	7.7	0	22.3
27	A7V088	9/5	NGUYỄN TRỌNG QUÂN	22/11/2006	Đà Nẵng	NAM	AV	7.3	7.1	8.1	0	22.5
28	A7V00Y	9/5	LÊ NGUYỄN THANH TÂM	24/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.3	5.7	4.6	0	14.6
29	A7V035	9/5	LƯƠNG NGUYỄN ĐIỂM TIỀN	29/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	8.8	9	0	26.6
30	A7V04V	9/5	DƯƠNG NGỌC THIÊN TRÚC	14/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	7.2	9.1	0	22.5
31	A7V038	9/5	NGUYỄN VIỆT TỬ	02/04/2006	Phú Yên	NAM	AV	3.8	7.9	7.5	0	19.2
32	A7V07D	9/5	NGUYỄN HỒNG TƯỜNG VY	23/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.5	5.8	6.8	0	17.1
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ


 Nguyễn Phương Nga

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU


 Dương Thị Kim Ngân



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V1NE	9/6	TĂNG NGỌC MINH ANH	25/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	7.8	8	0	22.8
2	A7V01D	9/6	NGUYỄN GIANG HOÀI BẢO	17/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5	6.4	8.9	1	21.3
3	A7V02K	9/6	VÔ PHƯƠNG DOANH	11/08/2006	Tây Ninh	NỮ	AV	4.1	6.4	6	0	16.5
4	A7V01G	9/6	CHU QUỐC DUY	03/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.4	5.4	5	0	14.8
5	A7V06D	9/6	NGUYỄN THÁI KỲ DUYÊN	04/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	3.7	6.9	6.1	1	17.7
6	A7V09R	9/6	NGUYỄN MINH ĐỨC	14/01/2006	Phú Yên	NAM	AV	8.1	8.1	8.8	0	25
7	A7V01I	9/6	NGUYỄN THỊ MINH GIANG	27/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.2	6.5	7.7	0	18.4
8	A7V0AW	9/6	LƯ GIA HÂN	05/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	8.5	8.5	0	23.5
9	A7V01K	9/6	TRẦN QUỐC HIỆP	27/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6	7.3	6.6	0	19.9
10	A7V06I	9/6	NGUYỄN HỒ HẢI HÒA	14/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.7	7.4	9.2	0	24.3
11	A7V06K	9/6	CÓ THANH HÙNG	17/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.1	9.1	0	25.1



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V07U	9/6	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG KHANH	18/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	7.9	8.6	0	24.2
13	A7V05E	9/6	LƯƠNG GIA KHÁNH	08/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.2	5	4.6	0	13.8
14	A7V05F	9/6	NGUYỄN TÂN GIA KHIÊM	21/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.6	7.6	9.2	0	23.4
15	A7V00E	9/6	LÊ ANH KHOA	07/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	6.7	7.1	0	18.9
16	A7V09Z	9/6	BÙI LÊ ĐĂNG KHÔI	04/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	6.3	8.1	0	20.5
17	A7V01R	9/6	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	29/01/2006	Cần Thơ	NAM	AV	6.1	7.6	6.7	0	20.4
18	A7V07X	9/6	VÕ ĐÔNG KHÔI	31/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.6	6.5	6.9	0	19
19	A7V00G	9/6	NGUYỄN HUỶNH MINH KHÔI	14/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.2	7.5	7.7	0	21.4
20	A7V1NP	9/6	NGUYỄN THÁI THIÊN KIM	11/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.9	9	0	26.2
21	A7V06R	9/6	ĐỖ UYÊN MY	07/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	7.1	7.6	0	21.6
22	A7V04D	9/6	TRẦN HẠNH NGUYỄN	22/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	7.7	8	0	21.2

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trưởng: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V05Q	9/6	ĐÀM THẢO NGUYỄN	06/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	7.5	9.1	0	22.6
24	A7V04E	9/6	SÀM TRANG NGUYỄN	26/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.6	8.6	0	21.8
25	A7V06V	9/6	HUỲNH HỒ TRỌNG NHÂN	17/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.8	5.5	5	0	15.3
26	A7V04M	9/6	TRƯƠNG MINH QUÂN	17/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.9	6.9	7.7	0	19.5
27	A7V089	9/6	VŨ TRỊNH HỒNG QUYÊN	08/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.1	8.3	8.5	0	21.9
28	A7V00T	9/6	PHAN THANH SANG	24/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.3	7.5	8.5	0	20.3
29	A7V00W	9/6	ĐỖ THỊ KHÁNH TÂM	18/03/2006	Đà Nẵng	NỮ	AV	5.8	8.1	9	0	22.9
30	A7V011	9/6	PHAN NGỌC THANH	14/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	3.9	5.5	6.5	0	15.9
31	A7V03D	9/6	ĐỖ VĂN THỦY	14/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	7.8	7.7	0	21.7
32	A7V027	9/6	HỒ VĨNH TIẾN	23/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	3.7	6.3	6.9	0	16.9
33	A7V08E	9/6	NGUYỄN THANH TIẾNG	12/11/2005	Tiền Giang	NAM	AV	5.3	6.8	7.5	0	19.6

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V03K	9/6	LÊ HOÀNG NHẬT TRUNG	10/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	8.5	8.8	0	22.8
35	A7V010	9/6	HOÀNG MINH TUẤN	07/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.8	5.8	8.3	0	20.9
36	A7V04R	9/6	VŨ TRUNG TUẤN	02/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	7.5	8.4	0	24.6
37	A7V03N	9/6	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VY	23/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.4	8.9	0	21.9
38	A7V08M	9/6	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	04/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	8.5	9.1	0	24.5
Tổng cộng có tất cả: 38 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

Huỳnh Trọng Tín

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

Dương Thị Kim Ngân



Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

BẢNG KIỂM ĐỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm đồ: 04/08/2021 09:07:18

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyên vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V001	9/7	NGÔ QUỲNH ANH	30/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	9	8.2	0	24.5
2	A7V0AQ	9/7	NGÔ TUẤN ANH	22/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	7.9	8.3	0	24.5
3	A7V02J	9/7	ĐẶNG QUANG BÌNH	01/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7	5.9	6.6	0	19.5
4	A7V02L	9/7	TRẦN LÊ ÁNH DƯƠNG	29/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	9	7.4	0	23.3
5	A7V06E	9/7	NGUYỄN MINH ĐẠT	13/01/2006	Quảng Trị	NAM	AV	6.6	6.1	6.9	0	19.6
6	A7V03U	9/7	PHAN NGUYỄN MINH GIANG	09/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	8.7	8.6	0	25.2
7	A7V07M	9/7	HOÀNG THIÊN MỸ HÀ	09/05/2006	Quảng Trị	NỮ	AV	7.5	8.3	7.5	0	23.3
8	A7V007	9/7	TRẦN THỊ MINH HẰNG	28/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	7.8	8.4	0	21.5
9	A7V009	9/7	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	7.5	6.3	0	21.8
10	A7V00B	9/7	LÊ GIA HUY	06/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.2	7.6	7.6	0	22.4
11	A7V02P	9/7	TRẦN ANH KHOA	27/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.9	8.2	6.9	0	22



BẢNG KIỂM ĐỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm đồ: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V05G	9/7	CHÂU ĐĂNG KHOA	23/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.8	7.8	8.3	0	22.9
13	A7V047	9/7	PHẠM LÊ ĐĂNG KHOA	25/11/2006	Bình Thuận	NAM	AV	6.2	7.8	6.2	0	20.2
14	A7V05H	9/7	PHẠM NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	16/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	8.7	8.2	0	25.4
15	A7V10Y	9/7	HOÀNG MINH KHÔI	11/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.7	7.8	8.5	1	25
16	A7V07Y	9/7	LÊ MINH KHÔI	04/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	6.3	6.2	0	17.7
17	A7V01N	9/7	HÀ GIA KIẾT	28/06/2005	Bến Tre	NAM	AV	4.1	6.2	6	0	16.3
18	A7V02R	9/7	PHAN HỒ HỒNG LAM	12/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.6	8.9	0	24.7
19	A7V087	9/7	NGUYỄN HUỲNH XUÂN NGHI	01/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.8	7.9	8.8	0	24.5
20	A7V1P7	9/7	LÊ PHƯƠNG KHÁNH NGỌC	22/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	8.4	8.6	0	24.5
21	A7V000	9/7	DƯƠNG MINH NGỌC	29/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	8.1	8.1	0	23.5
22	A7V06U	9/7	ĐOÀN TRƯƠNG NHƯ NGỌC	24/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.8	7.6	6.9	0	20.3

BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:18

Trưởng: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyên vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V05S	9/7	HUỲNH THÀNH NHÂN	28/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7	7.9	8.2	0	23.1
24	A7V01W	9/7	TRẦN TRỌNG NHÂN	15/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.9	8.1	9.5	0	24.5
25	A7V02Z	9/7	TRẦN MINH NHẬT	29/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	3.5	4.9	7.6	0	16
26	A7V06X	9/7	LÊ NGỌC YÊN NHI	06/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	7.8	7.3	0	21.8
27	C7V0G1	9/7	NGÔ KHÁNH AN NHIÊN	18/12/2005	Kon Tum	NỮ	AV	3.8	7.4	5.7	0	16.9
28	A7V082	9/7	TRƯƠNG PHẠM HUỲNH NHUNG	21/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.2	6.1	5.9	0	17.2
29	A7V023	9/7	LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	07/01/2006	Quảng Ngãi	NỮ	AV	5.9	8.1	5.5	0	19.5
30	A7V026	9/7	LƯU TRƯỜNG SƠN	05/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	6.9	7.5	1	22.1
31	A7V106	9/7	PHẠM MINH TÂM	06/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.1	8.1	9.5	0	26.7
32	A7V061	9/7	NGUYỄN NHỰT THANH	25/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.4	7.9	6.9	0	22.2
33	A7V039	9/7	KHÔNG NHƯ THẮNG	05/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	7.8	8.6	0	22.1

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỄN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V03H	9/7	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	07/01/2006	Sóc Trăng	NỮ	AV	5.4	7.9	6.6	0	19.9
35	A7V015	9/7	TRẦN NGỌC UYÊN TRÂM	17/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	6.6	7.8	0	20.9
36	A7V016	9/7	TRẦN LÊ PHƯƠNG UYÊN	27/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	8.5	8.3	0	24.4
37	A7V03O	9/7	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	18/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	7.7	8.6	0	23.9
38	A7V0KE	9/7	LÊ VŨ NHƯ Ý	24/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	8.3	7.3	0	22.6
39	A7V02F	9/7	HUỲNH LÊ HOÀNG YẾN	20/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.2	8.4	0	24.6

Tổng cộng có tất cả: 39 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

Phục
Lê Hồng Phát

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

Đương Thị Kim Ngân



BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V068	9/8	NGÔ NGUYỄN HỒNG AN	09/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.3	6.9	6.3	0	19.5
2	A7V06A	9/8	BÙI TRẦN THẾ BÌNH	07/11/2006	Lâm Đồng	NAM	AV	5.2	6.6	7.2	1	20
3	A7V055	9/8	ĐINH NGUYỄN BẢO CHÂU	02/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	5.4	6.2	0	18.6
4	A7V16H	9/8	LÊ NHẬT ĐĂNG	09/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.9	8.2	8.7	0	23.8
5	A7V10P	9/8	LÊ NGỌC BẢO HÂN	11/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	8.4	8.8	0	24
6	A7V03X	9/8	LƯƠNG NGỌC BẢO HÂN	13/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.8	8.6	0	24.6
7	A7V06H	9/8	HỒ GIA HÂN	08/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	8.2	7.6	0	22
8	A7V01P	9/8	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	27/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.7	9	0	25.8
9	A7V01Q	9/8	TRẦN HOÀNG ANH KHÔI	10/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.2	5.3	7	0	18.5
10	A7V042	9/8	LÊ TUẤN KIẾT	11/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	7	8.5	0	21.2
11	A7V05I	9/8	TRẦN GIA LẠC	11/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.5	8	6.7	1	22.2



BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V00I	9/8	NGUYỄN THÙY LINH	30/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	6	7.4	0	19
13	A7V05R	9/8	TRẦN QUỐC NHÂN	26/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	5.8	6.2	0	18.7
14	A7V00P	9/8	NGUYỄN HUỖNH Ý NHI	04/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	8.6	8.9	0	24.1
15	A7V0QH	9/8	TRẦN NỮ YẾN NHI	23/02/2005	Bình Phước	NỮ	AV	4.6	7.2	7.5	0	19.3
16	A7V01Y	9/8	VƯƠNG TƯỜNG YẾN NHI	30/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	7.4	6.2	1	19.9
17	A7V083	9/8	LÊ QUỲNH NHƯ	09/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	8.2	8.8	0	23.9
18	A7V086	9/8	HÔNG NGUYỄN PHÚC	05/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	8.3	8.9	0	25.5
19	A7V00X	9/8	NGUYỄN MINH TÂM	12/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	5.7	7.8	0	19
20	A7V04P	9/8	HUỖNH GIA TẤN	07/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.4	7.5	6.4	0	20.3
21	A7V078	9/8	LÊ NGỌC THIÊN	28/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7	8.4	0	23
22	A7V03C	9/8	NGUYỄN HÀ MINH THUẬN	06/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.4	8.3	9.3	0	25

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:18

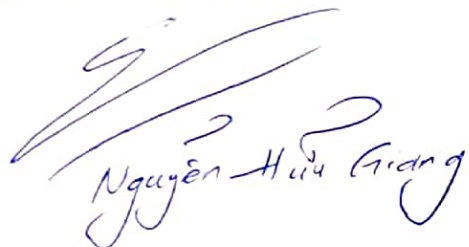
Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

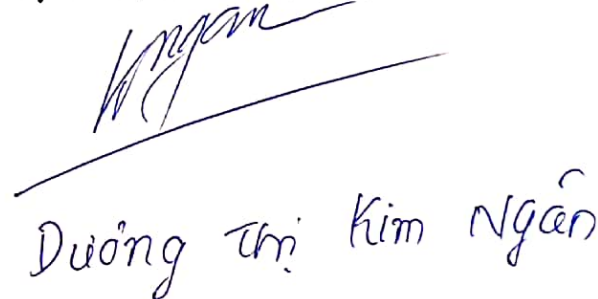
STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V013	9/8	LÊ THANH TRÀ	12/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.2	8.4	9	0	22.6
24	A7V02C	9/8	BÙI NGUYỄN BẢO TRÂN	08/04/2006	Tiền Giang	NỮ	AV	5	5.6	7.2	0	17.8
25	A7V03L	9/8	TRỊNH VIỆT TRƯỜNG	19/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.7	7.9	9.2	0	24.8
26	A7V066	9/8	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	29/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.4	8.8	8.1	0	23.3
27	A7V04Z	9/8	NGUYỄN NHƯ Ý	10/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.7	7.7	6.3	0	19.7
28	A7V03P	9/8	TRẦN HỒNG YÊN	16/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8.5	7.5	0	22.1

Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ


Nguyễn Hữu Giang

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU


Dương Thị Kim Ngân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V07F	9/9	NGUYỄN ĐÌNH DUY ANH	23/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	3.5	6.5	7	0	17
2	A7V01B	9/9	ĐỖ MINH AN	04/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.4	7.5	7.3	0	21.2
3	A7V07H	9/9	TRƯƠNG TUYẾT CÀN	22/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	7.8	7.1	0	22.1
4	A7V07I	9/9	NGUYỄN KIM CHÂU	19/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.4	6.6	6	0	17
5	A7V07J	9/9	THÁI HOÀNG THANH CHƯƠNG	14/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.4	6.1	8.8	0	21.3
6	A7V03W	9/9	VÕ HUỖNH THANH HẰNG	19/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.1	7.5	7.2	0	19.8
7	A7V09T	9/9	THÂN THỦY HẰNG	15/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	8.3	7.6	0	21.4
8	B7V0E6	9/9	LÝ GIA HÂN	16/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	8.7	8.7	1	25.4
9	A7V09U	9/9	PHAN GIA HÂN	01/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.4	7.6	8.1	0	22.1
10	A7V058	9/9	NGUYỄN TRẦN NGỌC HÂN	16/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	7.5	8.8	0	24.8
11	A7V07O	9/9	NGUYỄN HUY HOÀNG	25/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	8.3	9	0	23



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BẾ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V01M	9/9	NGUYỄN TUẤN NHẬT HUY	26/08/2006	Cần Thơ	NAM	AV	4.7	6.6	7.1	0	18.4
13	A7V02O	9/9	NGUYỄN VĂN HUY	01/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.5	6.2	7.7	0	20.4
14	A7V043	9/9	NGÔ THẾ KIẾT	03/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.5	7.2	8.8	0	23.5
15	A7V00H	9/9	LÊ KIỀU LINH	10/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	9.3	9.1	1	27.3
16	A7V00K	9/9	VŨ THÀNH LONG	13/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.5	8.2	9.8	0	25.5
17	A7V02S	9/9	NGUYỄN THÀNH LUÂN	26/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.2	7.9	7.7	0	22.8
18	A7V06O	9/9	NGUYỄN TRẦN THANH MAI	23/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	7.7	8	0	21.8
19	A7V049	9/9	NGUYỄN NGỌC XUÂN MAI	06/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	9	7.9	0	23.7
20	A7V05J	9/9	DIỆP HẢI MINH	10/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	7	8.7	0	22
21	A7V03O	9/9	TRỊNH THANH NHI	23/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	7.9	8.9	0	23.3
22	A7V1O2	9/9	LƯU QUỲNH NHƯ	06/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	9.3	8.3	0	24.5

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V084	9/9	NGÔ THUY TÂM NHƯ	23/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8.7	9.2	0	24
24	A7V06Y	9/9	NGUYỄN THỊ THANH NHƯ	19/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	9.2	8.9	0	24.6
25	A7V0A7	9/9	VƯƠNG HOÀI PHÁT	07/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7	6.2	7.8	0	21
26	A7V1PA	9/9	TRƯƠNG HOÀNG PHÚC	29/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	8	9.2	0	24.8
27	A7V0AA	9/9	NGUYỄN KIM QUYÊN	10/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5	7.2	7.9	0	20.1
28	A6H0RA	9/9	HUỖNH SINH	11/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6	6.6	7.9	0	20.5
29	A6H0RC	9/9	HUỖNH SONG	11/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	6.8	7.9	0	21.4
30	A7V0BC	9/9	VŨ THÀNH TÀI	27/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.5	6.7	8.7	0	21.9
31	A7V034	9/9	ĐỖ NGUYỄN THÀNH TÂM	11/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	6.1	8	0	19.6
32	A7V03B	9/9	VƯƠNG QUỐC THỊNH	06/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.5	6.4	6.5	0	17.4
33	A7V03E	9/9	HÌNH KIM THƯ	01/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.1	6.6	7.1	0	17.8

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:18

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V1PO	9/9	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	18/07/2006	Tiền Giang	NỮ	AV	7.9	8.7	8.7	0	25.3
35	A7V04W	9/9	ĐINH XUÂN TRƯỜNG	03/06/2006	Ninh Bình	NAM	AV	5.8	8.5	9.2	1	24.5
36	A7V02E	9/9	TRẦN PHAN NHƯ Ý	16/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8.5	9	0	23.6
37	A7V018	9/9	TRỊNH HẢI YẾN	23/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	8.9	9	0	26.8

Tổng cộng có tất cả: 37 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

Nguyễn Chánh Đạt

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

Dương Thị Kim Ngân



BẢNG KIỂM DỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BẾ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V09M	9/10	PHÙNG QUỐC AN	11/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	8.6	9.1	0	25.3
2	A7V0AO	9/10	TRẦN NGUYỄN HUỖNH ANH	13/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	9.3	9.4	0	27.6
3	A7V08Q	9/10	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	06/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.3	8.1	8.6	0	26
4	A7V08O	9/10	NGUYỄN GIA BẢO	20/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	8.2	7.3	1	25.3
5	A7V0AR	9/10	HỒ QUANG BẢO	09/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	8.4	8.8	0	25.5
6	A7V08T	9/10	LÊ NGUYỄN BẢO CHÂU	25/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	7.7	6.6	0	22.9
7	A7V09P	9/10	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH DANH	04/10/2006	Bến Tre	NAM	AV	7.1	7.6	8.1	0	22.8
8	A7V08V	9/10	HUỖNH LÊ THỰC ĐOÀN	04/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9	7.8	9.6	0	26.4
9	A7V0AU	9/10	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	25/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	8.8	8.4	0	26.2
10	A7V08W	9/10	PHAN HÀ GIA HÂN	24/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	8.2	8.6	1	26.5
11	A7V0AZ	9/10	PHAN LÊ HUY HOÀNG	16/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8	8.5	0	24.4



BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: **THCS NGUYỄN VĂN BÉ**

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
12	A7V08Z	9/10	NGUYỄN QUỐC TRIỀU HUY	04/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	8.1	9	0	25.9
13	A7V0B0	9/10	TRẦN NHẬT KHA	09/04/2006	Đà Nẵng	NAM	AV	9	9.2	9.2	0	27.4
14	A7V090	9/10	NGUYỄN HOÀNG KHANG	25/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	7.5	8.7	0	24.6
15	A7V09Y	9/10	NGUYỄN HOÀNG KHANH	25/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	8	8.7	0	25.1
16	A7V0A0	9/10	VÔ NGUYỄN HOÀNG LAN	06/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	9.6	9.2	0	27.5
17	A7V091	9/10	ĐINH THỊ DIỆU LINH	14/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.6	8.5	0	25.4
18	A7V0B2	9/10	TRẦN HIỀN LONG	07/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	6.3	7.4	0	21.8
19	A7V094	9/10	NGUYỄN VŨ ÁNH MINH	08/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	7	8.7	0	23.9
20	A7V095	9/10	HUỲNH THIÊN NGÂN	12/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	8.9	9.4	0	27
21	A7V097	9/10	VÔ BỘI NGỌC	19/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	7.5	7.6	0	22.6
22	A7V0B9	9/10	LÊ BẢO NGUYỄN	04/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.5	9	0	26



BẢNG KIỂM ĐÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
23	A7V0A5	9/10	TRẦN NGỌC HƯƠNG NHI	02/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	7.1	7.2	0	21.2
24	A7V099	9/10	PHẠM THANH NHIÊN	07/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.3	9.3	8.8	0	27.4
25	A7V0A6	9/10	TRẦN KHÁNH NHƯ	30/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9	9.1	8.9	0	27
26	A7V09A	9/10	VŨ LÊ BÁ PHÚC	20/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	7.7	6.9	0	23.4
27	A7V0A9	9/10	PHẠM THỊ NGỌC PHƯỢNG	26/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	8.3	8.8	0	24.6
28	A7V022	9/10	LÊ NGUYỄN QUÂN	13/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.4	7.6	7.5	0	24.5
29	A7V09E	9/10	NGUYỄN PHƯƠNG TÂM	06/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	8.4	8.5	0	25.7
30	A7V0AC	9/10	HUYỀN QUỐC THẮNG	23/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	8.1	9.2	0	26.3
31	A7V0AF	9/10	ĐOÀN ANH THƯ	08/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	9	8.8	0	26.6
32	A7V0BF	9/10	LƯU ANH THƯ	18/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.3	9	9.5	0	27.8
33	A7V09G	9/10	PHẠM NGỌC XUÂN TRANG	31/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	7.7	8	0	23.3

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

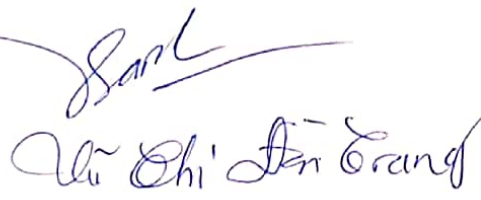
Trường: THCS NGUYỄN VĂN BẾ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

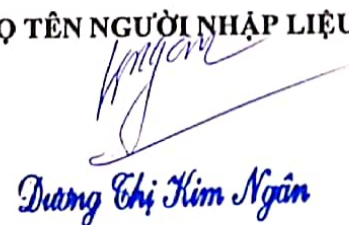
STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
34	A7V0AH	9/10	LÊ QUỲNH TRÂM	17/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	7.7	8.2	0	24.3
35	A7V0BI	9/10	NGUYỄN MINH TRÍ	29/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.2	7.7	8.5	0	24.4
36	A7V0AI	9/10	HÀ NGUYỄN MINH TRÍ	09/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.7	5.6	6.9	0	20.2
37	A7V0BJ	9/10	LÊ NGUYỄN THÀNH TRÍ	18/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.1	8.3	0	23.5
38	A7V09F	9/10	NGUYỄN NGỌC MINH TÚ	08/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.8	9.4	7.7	0	24.9
39	A7V09J	9/10	TRỊ QUỐC VIỆT	13/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.5	9	8.9	0	27.4
40	A7V09K	9/10	HUỲNH KHÁNH VINH	15/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	6.8	9.1	1	25.2
41	A7V0AL	9/10	NGUYỄN PHÙNG PHI YẾN	29/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.6	9.3	9.7	0	28.6

Tổng cộng có tất cả: 41 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ


 Vũ Thị Đan Trang

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU


 Dương Thị Kim Ngân



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: ~~THCS~~ NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	A7V0AM	9/11	NGUYỄN PHƯƠNG AN	20/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	9.4	8.7	0	27.3
2	A7V0AN	9/11	HOÀNG THANH AN	13/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.3	8.8	9.3	0	27.4
3	A7V16I	9/11	LÊ ĐẠO DUY ANH	27/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	8.2	7.3	0	22.8
4	A7V09N	9/11	ĐOÀN MINH ANH	31/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	9.1	8.5	0	26.8
5	A7V0AP	9/11	NGHIÊM HOÀNG MINH ANH	25/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	8.9	9	0	26.5
6	A7V08N	9/11	NGUYỄN NHẬT ÂN	05/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	7.6	7.1	0	22.6
7	A7V08P	9/11	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	21/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.1	8.7	8.4	0	26.2
8	A7V08R	9/11	TRẦN MINH BẢO	08/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	8.3	8.5	0	25.4
9	A7V08S	9/11	TRẦN HẢI BĂNG	01/01/2006	Bến Tre	NAM	AV	7	8.4	7.7	0	23.1
10	A7V08U	9/11	VŨ ANH DŨNG	29/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.1	8.1	0	24.1
11	A7V09Q	9/11	NGUYỄN DUY	07/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.2	9.2	9.5	0	27.9
12	A7V0AV	9/11	HUỖNH DƯƠNG GIA HÂN	12/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.3	8.6	8.6	0	26.5



BẢNG KIỂM ĐỒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm đồ: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: DTB lớp 9 môn ngoại ngữ + DTB lớp 9 môn Văn + DTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
13	A7V0AX	9/11	NGUYỄN GIA HÂN	21/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	9	9	0	26.7
14	A7V09V	9/11	LÝ PHÚC HIỀN	26/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	9.2	9.7	1	28.4
15	A7V09W	9/11	LÊ MAI MINH HIẾU	08/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	8.6	8.3	0	25.9
16	A7V09X	9/11	ĐẶNG GIA HUÂN	20/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	7.7	7.5	0	21.5
17	A7V08X	9/11	NGUYỄN HOÀNG ANH HUY	15/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	8.1	7.6	0	24.3
18	A7V0A1	9/11	TRẦN NGỌC LIÊN	15/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	9.1	8.1	1	26.2
19	A7V092	9/11	TRẦN MAI LINH	03/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.1	8.9	8.4	0	26.4
20	A7V0A2	9/11	HOÀNG ĐẮC LỘC	31/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.1	9.2	9	0	27.3
21	A7V0B3	9/11	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	07/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	9.1	8.6	0	26.1
22	A7V0B4	9/11	NGUYỄN THỊ HÒA MI	19/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.8	8.3	0	25.4
23	A7V0B6	9/11	MAI XUÂN NGHI	16/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.7	9.1	0	26



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỄN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
24	A7V096	9/11	NGUYỄN GIA HIẾU NGHĨA	30/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.9	8.4	8.8	0	26.1
25	A7V0A4	9/11	HUỖNH GIANG ÁNH NGỌC	20/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.5	8.4	7.8	1	26.7
26	A7V098	9/11	ĐỖ THỊ MINH NGỌC	31/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	9.1	8.7	0	25.8
27	A7V0BA	9/11	PHẠM GIA PHÚC	16/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.5	7.6	0	24.2
28	A7V0A8	9/11	TRẦN THIÊN PHÚC	14/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.2	7.6	8.1	0	22.9
29	A7V09B	9/11	ĐỖ TRIỆU HẢI PHƯƠNG	05/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	8.9	7.9	0	24.4
30	A7V09C	9/11	BÙI NGỌC MINH PHƯƠNG	09/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	8.6	9.7	0	26.7
31	A7V0BB	9/11	LẠI MAI QUYÊN	10/07/2006	Hà Nam	NỮ	AV	9.1	9.5	8.6	0	27.2
32	A7V0AD	9/11	TẠ MẪN THI	31/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	8.9	8.3	1	26.3
33	A7V0BE	9/11	NGUYỄN HỒNG THỊNH	22/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.7	6.8	0	23.4
34	A7V16J	9/11	LÊ QUỐC THỊNH	23/02/2006	Bà Rịa Vũng Tàu	NAM	AV	8.7	8.6	9.2	0	26.5
35	A7V0AE	9/11	LÊ QUANG THUẬN	19/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.1	9.1	8.7	0	26.9



BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 04/08/2021 09:07:17

Trường: THCS NGUYỄN VĂN BÉ

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
36	A7V0AG	9/11	NGUYỄN DIỆP MINH THƯ	06/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.1	9.1	9.1	0	27.3
37	A7V0BG	9/11	TẠ NGỌC THIÊN TRANG	23/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.3	8.9	9	0	27.2
38	A7V0BH	9/11	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC TRÂM	25/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	8.4	8.7	0	25.7
39	A7V09H	9/11	NGUYỄN QUỐC TRẦN	06/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	8.2	7.5	0	24.1
40	A7V0BK	9/11	NGUYỄN MINH TRIẾT	01/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	8.3	7.2	0	24
41	A7V0AB	9/11	NGUYỄN PHẠM THIÊN TƯỜNG	02/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.3	7	0	23.4
42	A7V0AJ	9/11	TẠ TRÚC VY	11/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.1	8.5	6.9	1	24.5
43	A7V09L	9/11	PHAN LÊ NHƯ Ý	26/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.5	9.2	8.7	0	27.4

Tổng cộng có tất cả: 43 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

Nguyễn Thị Liên Chi

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

Đường Thị Kim Ngân